

# HIỆU QUẢ CÁC BIỆN PHÁP NÂNG CAO TÍNH TÍCH CỰC HỌC TẬP MÔN TÂM LÝ HỌC THỂ DỤC THỂ THAO CHO SINH VIÊN TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM THỂ DỤC THỂ THAO HÀ NỘI

Ngô Thanh Huyền\*

## Tóm tắt:

Từ kết quả nghiên cứu đề tài, bài báo tập trung làm rõ mức độ ảnh hưởng từ các biện pháp nâng cao tính tích cực học tập môn Tâm lý học TDDT đến kết quả phân loại điểm của sinh viên và mối liên kết giữa 2 nhóm nghiên cứu thông qua hệ số Cramer<sup>2</sup>V đạt ở mức mạnh. Đồng thời đã xác định được các biện pháp có ảnh hưởng tới 78% trong việc nâng cao tính tích cực học tập môn tâm lý học TDDT cho sinh viên trường Đại học Sư phạm TDDT Hà Nội.

**Từ khóa:** Hiệu quả, biện pháp nâng cao tính tích cực, Tâm lý TDDT, sinh viên, Đại học Sư phạm Hà Nội.

## The effectiveness of measures to enhance the active learning of sports psychology for students of the Hanoi University of Physical Education and Sport

### Summary:

From the research results, the article focuses on clarifying the link between the effect of measures to improve the positive learning of sports and physical training on score results of students at a high level. At the same time it is identified that the measures affect 78% in improving the active learning of sports psychology for students of Hanoi University of Physical Education and Sports.

**Keywords:** Effectiveness, measures, active, learning, psychology, physical education and sports, students, university.

## ĐẶT VẤN ĐỀ

Môn Tâm lý học TDDT đã được đưa vào giảng dạy cho sinh viên trường Đại học Sư phạm TDDT Hà Nội. Tuy nhiên, kết quả học tập của sinh viên còn chưa cao, ứng dụng của môn học vào thực tiễn chưa phát huy hết ý nghĩa, tác dụng, khả năng phân tích đánh giá, giải quyết các tình huống sư phạm trong giảng dạy huấn luyện do các nguyên nhân tâm lý gây ra ở sinh viên còn yếu và chưa hiệu quả. Việc học tập và giảng dạy môn học Tâm lý học TDDT theo hướng đánh giá năng lực người học hiện mới được đưa vào giảng dạy, mà ở đó tính tích cực học tập có ý nghĩa quyết định đến kết quả học tập và hình thành năng lực chuyên môn, nghề nghiệp cho sinh viên.

Vì vậy, việc đánh giá được hiệu quả các biện pháp nâng cao tính tích cực học tập môn Tâm lý học TDDT cho sinh viên trường Đại học Sư phạm TDDT Hà Nội một cách khoa học, đúng

đắn là cơ sở để từ đó triển khai trong thực tiễn góp phần nâng cao chất lượng dạy và học môn học này.

## PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Quá trình nghiên cứu sử dụng các phương pháp: Phương pháp phân tích tổng hợp tài liệu; Phương pháp phỏng vấn toạ đàm; Phương pháp điều tra bằng phiếu hỏi; Phương pháp quan sát; Phương pháp thực nghiệm sư phạm; Phương pháp thống kê toán học.

Đề tài sử dụng phương pháp thực nghiệm so sánh song song để đánh giá hiệu quả các biện pháp lựa chọn. Thời gian tiến hành thực nghiệm từ tháng 08/2017 đến tháng 11/2017 ứng với học kỳ I năm học 2017 - 2018, thuộc chương trình đào tạo cử nhân sư phạm giáo dục thể chất hệ đại học. Đối tượng thực nghiệm sư phạm gồm 96 sinh viên ĐH K49 và chia thành: Nhóm đối chứng (48 sinh viên) và nhóm thực nghiệm (48 sinh viên).

\*ThS, Trường Đại học Sư phạm TDDT Hà Nội; Email: ngothanhhuyen79@gmail.com

Trước khi tiến hành thực nghiệm sư phạm, chúng tôi tiến hành kiểm tra, đánh giá tính tích cực học tập môn học Tâm lý học TĐTT của cả hai nhóm thông qua kết quả học tập của sinh viên. Kết thúc thực nghiệm cũng sử dụng kết quả học tập để đánh giá tính tích cực học tập môn học này.

Phân tích dữ liệu thu được bằng phần mềm RStudio Version 1.0.136. Cụ thể:

Kiểm định khi bình phương (Pearson's Chi-squared test) bằng lệnh `chisq.test()`. Giá trị khi bình phương (X-squared), ý nghĩa thống kê theo giá trị p-value (P), có thể đối chiếu với các bảng khi bình phương trong các sách toán thống kê TĐTT qua giá trị df (độ tự do). Ứng dụng kiểm định khi bình phương nhằm xác định giữa nhóm thực nghiệm và đối chứng ở thời điểm trước thực nghiệm có tương đương nhau không.

Hệ số Cramer'V thuộc gói packages `lsr` bằng lệnh `cramersv()` với các biến dạng nhị phân được chuyển đổi giống như mô hình hồi quy Binary Logistic được trình bày ở nội dung kế tiếp. Hệ số thu được sẽ đánh giá ở các mức: Weak (yếu): 0 – 0.29; Moderate (mạnh): 0.3 – 0.59; Strong (rất mạnh): 0.6 – 1. Trong nghiên cứu, chúng tôi sử dụng hệ số này nhằm làm rõ mức độ liên kết giữa hai nhóm nghiên cứu (thực nghiệm và đối chứng) về các biện pháp nâng cao tính tích cực học tập với kết quả phân loại hai nhóm điểm (đạt, tốt) của sinh viên.

Sử dụng mô hình hồi quy Binary Logistic thuộc gói packages `epiR` bằng lệnh `epi.2by2()` với `method="cohort.count"`. Biến phụ thuộc được chuyển đổi thành dạng nhị phân (0 và 1) để ước lượng xác suất của các biện pháp nâng cao tính tích cực. Tức là, xác định tính tích cực học tập môn Tâm lý học TĐTT cho sinh viên Trường Đại học Sư phạm TĐTT Hà Nội thông qua điểm học tập. Sau đó điểm học tập được phân thành 2 nhóm điểm làm 2 cột dữ liệu (dạng nhị phân) thuộc biến Outcome: Outcome+ là nhóm Đạt (5 – 6 điểm) và Outcome- là nhóm Tốt (7-10 điểm). Hai nhóm thực nghiệm là 2 hàng (dạng nhị phân) thuộc biến Exposed: Exposed+ là nhóm thực nghiệm và Exposed- là nhóm đối chứng. Kết quả tính toán ở mức 95% (95 % CIs), trong đó chỉ tập trung phân tích trị số OR (Odds ratio). OR là tỷ số giữa Odds (biến cố xuất hiện) nhóm thực nghiệm (Exposed+) và

nhóm đối chứng (Exposed-) để xác định tỷ lệ ảnh hưởng của các biện pháp nâng cao tính tích cực học tập môn Tâm lý học TĐTT cho sinh viên Trường Đại học Sư phạm TĐTT Hà Nội.

## **KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU VÀ BÀN LUẬN**

### **1. Kết quả lựa chọn biện pháp nâng cao tính tích cực học tập môn Tâm lý học TĐTT cho sinh viên Trường Đại học Sư phạm TĐTT Hà Nội**

Chúng tôi đã tiến hành lựa chọn biện pháp nâng cao tính tích cực học tập môn Tâm lý học TĐTT cho sinh viên Trường Đại học Sư phạm TĐTT Hà Nội thông qua tham khảo tài liệu; quan sát sư phạm; nghiên cứu thực trạng việc giảng dạy và học tập môn Tâm lý học TĐTT cho sinh viên Nhà trường, đánh giá nhận thức, thái độ của sinh viên về môn học và từng bài học cũng như thực trạng hành động học tập môn Tâm lý học TĐTT của sinh viên; đồng thời phỏng vấn trực tiếp các giáo viên và phỏng vấn trên diện rộng. Kết quả lựa chọn được 6 biện pháp nâng cao tính tích cực học tập môn Tâm lý học TĐTT cho sinh viên Trường Đại học Sư phạm TĐTT Hà Nội gồm: (1) Tăng cường đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học môn tâm lý học TĐTT; (2) Tăng cường công tác quản lý, phối hợp, giám sát của các phòng, đoàn thể, giảng viên và bản thân sinh viên; (3) Xây dựng động cơ học tập đúng đắn cho sinh viên; (4) Rèn kỹ năng tự học cho sinh viên; (5) Đổi mới nội dung phương pháp, hình thức tổ chức dạy học môn Tâm lý học TĐTT theo hướng đáng giá năng lực người học; (6) Đổi mới phương thức kiểm tra, đánh giá kết quả học tập môn Tâm lý học TĐTT của sinh viên.

### **2. Hiệu quả các biện pháp nâng cao tính tích cực học tập môn học Tâm lý học TĐTT cho sinh viên Trường Đại học Sư phạm TĐTT Hà Nội**

Tiến hành đánh giá tính tích cực học tập môn Tâm lý học TĐTT cho sinh viên thông qua nhận thức, thái độ, tính tích cực, mức độ yêu thích và những băn khoăn của sinh viên khi tham gia học tập môn học Tâm lý học TĐTT. Kết quả cho thấy, sau quá trình thực nghiệm, hứng thú học tập môn học Tâm lý học TĐTT của sinh viên tốt hơn so với thời điểm trước thực nghiệm.

Khi xác định hiệu quả của các biện pháp

nâng cao tính tích cực học tập môn Tâm lý học TDDT đã lựa chọn, chúng tôi căn cứ vào kết quả học tập trong các giờ học Tâm lý học TDDT; kết quả bài thi giữa học kỳ và kết quả bài thi kết thúc học phần môn Tâm lý học TDDT để đánh giá

ảnh hưởng của các biện pháp này tới tính tích cực học tập của sinh viên.

Hiệu quả các biện pháp nâng cao tính tích cực học tập môn Tâm lý học TDDT của sinh viên được thể hiện tại các bảng 1,2 và 3.

**Bảng 1. Kết quả kiểm tra trước thực nghiệm**

TT	Điểm	Thực nghiệm (n=48)		Đối chứng (n=48)	
		m <sub>i</sub>	Tỷ lệ %	m <sub>i</sub>	Tỷ lệ %
1	5	10	20.83	8	16.67
2	6	21	43.75	23	47.92
3	7	13	27.08	15	31.25
4	8	4	8.33	2	4.17

Pearson's Chi-squared test data: x  
**X-squared = 1.1227, df = 3, p-value = 0.7716**

Từ kết quả thu được ở bảng 1 cho thấy: Tỷ lệ sinh viên đạt điểm 5 và 8 ở nhóm thực nghiệm (20.83% và 8.33%) cao hơn nhóm đối chứng (16.67% và 4.17%). Song ở điểm 6 và 7, nhóm thực nghiệm (43.75% và 27.08%) lại thấp hơn nhóm đối chứng (47.92% và 31.25%). Sử dụng kiểm định khi bình phương thu được giá trị X-squared=1.1227 độ tự do df=3 với P ở ngưỡng p-value=0.7716 > 0.05. Như vậy, giữa hai nhóm

không có sự khác biệt hay tính tích cực học tập môn học Tâm lý học TDDT của cả hai nhóm là tương đương nhau.

Ở thời điểm sau thực nghiệm, kết quả xác định hiệu quả các biện pháp nâng cao tính tích cực học tập môn Tâm lý học TDDT cho sinh viên trường Đại học Sư phạm TDDT Hà Nội được trình bày ở bảng 2.

**Bảng 2. Kết quả kiểm tra sau thực nghiệm**

TT	Điểm	Phân loại	Nhóm				Cramer'V
			Thực nghiệm (n=48)		Đối chứng (n=48)		
			m <sub>i</sub>	Tỷ lệ %	m <sub>i</sub>	Tỷ lệ %	
1	5	Đạt	1	2.08	1	2.08	<b>0.34</b>
2	6		11	22.92	28	58.33	
	<b>Tổng</b>		<b>12</b>		<b>29</b>		
3	7	Tốt	29	60.42	15	31.25	
4	8		7	14.58	4	8.33	
	<b>Tổng</b>		<b>36</b>		<b>19</b>		

Từ kết quả thu được ở bảng 2 cho thấy: Tỷ lệ sinh viên có điểm 7 và 8 ở nhóm thực nghiệm (60.42% và 14.58%) cao hơn ở nhóm đối chứng (31.25% và 8.33%). Do vậy, các biện pháp lựa chọn để nâng cao tính tích cực học tập môn tâm lý học TDDT cho sinh viên trường Đại học Sư phạm TDDT Hà Nội đã tỏ rõ tính hiệu quả khi ứng dụng trên nhóm thực nghiệm. Kết quả thu được với hệ số Cramer'V = 0.34, nằm trong khoảng 0.3 – 0.59 thuộc mức độ liên kết

mạnh. Như vậy, sau thực nghiệm thì tác động của các biện pháp đến kết quả phân loại điểm của sinh viên đã có hiệu quả.

Ứng dụng mô hình hồi quy Binary Logistic để ước lượng ảnh hưởng của các biện pháp nâng cao tính tích cực học tập môn tâm lý học TDDT cho sinh viên Trường Đại học Sư phạm TDDT Hà Nội. Kết quả thu được trình bày ở bảng 3.

**Bảng 3. Ảnh hưởng của các biện pháp nâng cao tính tích cực học tập môn Tâm lý học TDDT cho sinh viên Trường Đại học Sư phạm TDDT Hà Nội**

TT	Nhóm	Phân loại điểm		Tổng
		Đạt	Tốt	
1	Thực nghiệm	12	36	48
2	Đối chứng	29	19	48
<b>Tổng</b>		<b>41</b>	<b>55</b>	<b>96</b>

Outcome + Outcome - Total Inc risk \* Odds  
 Exposed + 12 36 48 25.0 0.333  
 Exposed - 29 19 48 60.4 1.526  
 Total 41 55 96 42.7 0.745  
 Point estimates and 95 % CIs:-----  
 Inc risk ratio 0.41 (0.24, 0.71)  
**Odds ratio 0.22 (0.09, 0.52)**  
 Attrib risk \* -35.42 (-53.90, -16.94)  
 Attrib risk in population \* -17.71 (-34.72, -0.70)  
 Attrib fraction in exposed (%) -141.67 (-315.06, -40.71)  
 Attrib fraction in population (%) -41.46 (-69.14, -18.31) -----  
 X2 test statistic: 2.303 p-value: < 0.001  
 Wald confidence limits  
 \* Outcomes per 100 population units

Từ kết quả thu được ở bảng 3 với trị số OR (Odds ratio) là 0.22 với khoảng tin cậy 95% nhỏ hơn 1, chỉ từ 0.09 - 0.52, cho thấy ảnh hưởng của các biện pháp có ý nghĩa thống kê. Tính trung bình là biến cố xuất hiện (Odds) phân loại điểm ở mức đạt của nhóm được áp dụng các biện pháp nâng cao tính tích cực học tập ở nhóm thực nghiệm chỉ bằng 22% so với Odds của nhóm đối chứng. Do vậy, các biện pháp nâng cao tính tích cực học tập môn Tâm lý học TDDT đã làm giảm phân loại điểm ở mức đạt và tăng mức tốt cho sinh viên Trường Đại học Sư phạm TDDT Hà Nội. Tỷ lệ này đạt đến 78%.

**KẾT LUẬN**

Ứng dụng 6 biện pháp tổ chức, quản lý, giảng dạy nhằm nâng cao tính tích cực học tập môn Tâm lý học TDDT đã đem lại hiệu quả rõ rệt sau thực nghiệm. Tỷ lệ sinh viên đạt điểm tốt (7 – 10 điểm) ở nhóm đối chứng tăng lên rõ rệt. Kết quả học tập ở mức đạt (điểm 5 – 6) của sinh viên khóa đại học 49 Trường Đại học Sư phạm TDDT Hà Nội đã giảm đến 78% nhờ áp dụng các biện pháp nâng cao tính tích cực học tập mà đề tài lựa chọn.

**TÀI LIỆU THAM KHẢO**

1. A.G.Côvaliôp (1970), *Tâm lý học cá nhân*, tập 1, Nxb Giáo dục Hà Nội.
2. Nguyễn Mậu Loan (1999), *Tâm lý học*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
3. B.Ph. Lomov (2000), *Những vấn đề lý luận và phương pháp luận Tâm lý học*, Nxb Đại học quốc gia, Hà Nội.
4. Phan Trọng Ngọ (2005), *Dạy học và phương pháp dạy học trong nhà trường*, Nxb ĐHSP, Hà Nội.
5. P.A. Rủđich (1986), *Tâm lý học*, Nxb TDDT, Hà Nội.
6. Lý Minh Tiên (2005), *Ứng dụng toán thống kê trong tâm lý học*, TP HCM.

(Bài nộp ngày 20/8/2018, Phản biện ngày 24/8/2018, duyệt in ngày 28/8/2018)